



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HỒ CHÍ MINH
12 Trịnh Đình Thảo, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh..
ĐT: (08).38605004 – Web: www.itc.edu.vn
☎📖☎

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY THEO TÍN CHỈ

(Ban hành theo QĐ số 16/QĐ-CĐCNTT ngày 27/02/2014 của Hiệu trưởng
Trường CĐ CNTT TP. HCM - Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2013)

- Ngành:	Kế toán
- Tên ngành bằng tiếng Anh:	Accounting
- Loại hình:	Chính quy
- Mã ngành:	51340301

I/ Mục tiêu đào tạo

I.1/ Mục tiêu chung

Đào tạo chuyên viên thực hành trình độ Cao đẳng Kế toán:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế, quản trị kinh doanh, các nghiệp vụ về tài chính - kế toán;
- Thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực chuyên môn;
- Có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường làm việc trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

I.2/ Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- Có hiểu biết cơ bản về chính trị, pháp luật, xã hội và nhân văn, tạo nền tảng tiếp thu và vận dụng kiến thức chuyên môn trong đời sống thực tế;
- Nắm vững kiến thức chung về kinh tế, tài chính, tiền tệ và các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán (nguyên lý kế toán, các quy định về hệ thống kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế ...);
- Nắm vững nội dung văn bản về Luật kế toán, kiểm toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và chế độ kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Nắm vững các quy định chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp của nghề kế toán - kiểm toán;
- Có khả năng xử lý kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực hiện chức năng kế toán tổng hợp tại một đơn vị cơ sở như doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp;
- Có khả năng lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính.

1.2.2/ Về kỹ năng:

- Vận dụng linh hoạt những kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu về lĩnh vực kế toán trong quá trình tác nghiệp;
- Tìm kiếm, phân tích và tổng hợp các dữ liệu thông tin phục vụ công tác chuyên môn;
- Làm việc độc lập và theo nhóm có hiệu quả;
- Viết báo cáo, trình bày ý tưởng mạch lạc và thuyết phục;
- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra các quyết định về quản trị nội bộ;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên môn và giao tiếp tiếng Anh thông dụng.

I.2.3/ Về thái độ:

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, nội quy cơ quan;
- Có lối sống lành mạnh và ý thức kỷ luật cao trong công việc;
- Năng động, bản lĩnh, trách nhiệm và có tinh thần phục vụ cộng đồng;
- Hợp tác, thân thiện giúp đỡ đồng nghiệp.

I.2.4/ Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Có đủ năng lực làm việc trong điều kiện môi trường kinh tế hội nhập, tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian như ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ đầu tư, quỹ tín dụng ...
- Có thể dự tuyển đào tạo theo hình thức liên thông tại một số trường đại học để lấy bằng đại học.

II/ Thời gian đào tạo: Tổng thời gian đào tạo toàn khóa 03 năm, chia thành 06 học kỳ; Học kỳ cuối dành cho thực tập tốt nghiệp, làm đề án/khóa luận hoặc học các học phần thay thế đề án/khóa luận.

III/ Khối lượng kiến thức: Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa 100 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất & Giáo dục quốc phòng - An ninh); Trong đó, khối kiến thức Giáo dục đại cương 34 tín chỉ, khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp 66 tín chỉ.

IV/ Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có văn bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

V/ Quy trình đào tạo & điều kiện tốt nghiệp: Tổ chức đào tạo, đánh giá và cấp bằng tốt nghiệp theo Quy chế về đào tạo theo tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ GD&ĐT và Quy định về đào tạo theo tín chỉ ban hành tại Quyết định số 141/QĐ-CĐCNTT ngày 09/10/2012 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Tp Hồ Chí Minh.

VI/ Thang điểm: Đánh giá học phần và xếp loại kết quả học tập theo thang điểm hệ 10. Chuyển đổi sang thang điểm hệ 4 để tham khảo, do máy tính thực hiện.

VII/ Nội dung kiến thức:

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: Học trước (a) Tiên quyết (b) Song hành (c)
A/ Khối kiến thức giáo dục đại cương			34	
A1/ Lý luận chính trị			10	
1	18300001	Những nguyên lý CB của CN MacLenin 1	2(2,0,4)	
2	18300002	Những nguyên lý CB của CN MacLenin 2	3(3,0,6)	18300001(a)
3	18300003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	18300001(a) 18300002(a)
4	18300004	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3(3,0,6)	18300001(a) 18300002(a) 18300003(a)
A2/ Khoa học xã hội, nhân văn			02	
1	19300001	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	

<i>Số TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Học phần: Học trước (a) Tiền quyết (b) Song hành (c)</i>
A3/ Ngoại ngữ			12	
1	21300001	Anh văn Toeic 1	4(4,0,8)	
2	21300002	Anh văn Toeic 2	4(4,0,8)	21300001(a)
3	21300003	Anh văn Toeic 3	4(4,0,8)	21300001(a) 21300002(a)
A4/ Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên			10	
1	19300004	Toán cao cấp B1	2(2,0,4)	
2	19300005	Toán cao cấp B2	2(2,0,4)	19300004(a)
3	19300006	Xác suất thống kê	3(3,0,6)	19300004(a)
4	01308002	Tin học đại cương	3(2,1,5)	
A5/ Giáo dục thể chất			90 tiết	
1	22309001	Giáo dục thể chất 1	45 tiết	
2	22309002	Giáo dục thể chất 2	45 tiết	22309001(a)
A6/ Giáo dục quốc phòng - An ninh			165 tiết	
1	22309003	Giáo dục quốc phòng - An ninh	165 tiết	
B/ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			66	
B.1/ Kiến thức cơ sở:			15	
1	03300031	Kinh tế vi mô	3(3,0,6)	
2	04300006	Tài chính tiền tệ	3(3,0,6)	
3	04300002	Pháp luật kinh tế	3(3,0,6)	
Chọn 02 học phần				
1	03300032	Quản trị học	3(3,0,6)	
2	03300003	Marketing căn bản	3(3,0,6)	
3	04300003	Kinh tế vĩ mô	3(3,0,6)	
4	04300004	Kinh tế phát triển	3(3,0,6)	
5	05300001	Kinh tế lượng	3(3,0,6)	
B2/ Khối kiến thức ngành:				
B2.1/ Khối kiến thức chung			21	
1	03300004	Nguyên lý thống kê	3(3,0,6)	
2	05300002	Nguyên lý kế toán	3(3,0,6)	
3	04300008	Tài chính doanh nghiệp	3(3,0,6)	
4	05300003	Hệ thống thông tin kế toán	3(3,0,6)	
5	05300004	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3(3,0,6)	04300008(a)
6	05300005	Kiểm toán đại cương	3(3,0,6)	05300002(a)
Chọn 01 học phần				
1	05301006	Tài chính mô phỏng Excel	3(0,3,3)	
2	04300007	Toán tài chính	3(3,0,6)	
3	05300007	Thống kê kinh tế	3(3,0,6)	
B2.2/ Khối kiến thức chuyên ngành			20	
1	05300008	Kế toán tài chính 1	4(4,0,8)	05300002(a)

<i>Số TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Học phần: Học trước (a) Tiên quyết (b) Song hành (c)</i>
2	05300009	Kế toán tài chính 2	4(4,0,8)	05300008(a)
3	05300010	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	
4	05300011	Kế toán chi phí	3(3,0,6)	
5	05300012	Kế toán đối chiếu	3(3,0,6)	
Chọn 01 học phần				
1	05301013	Phần mềm kế toán ảo	3(0,3,3)	
2	04300016	Kế toán ngân hàng	3(3,0,6)	04300006(a)
3	04300013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3(3,0,6)	04300006(a)
B3/ Thực tập tốt nghiệp			05	
1	04306069	Thực tập tốt nghiệp		
B4/ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế			05	
B4.1/ ĐA/KL tốt nghiệp				
1	04307070	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		
B2/ Các học phần thay thế ĐA/KL			05	
1	05300014	Kế toán hành chính sự nghiệp	2(2,0,4)	
2	05300015	Thuế & kế toán thuế	3(3,0,6)	05300002(a)
Cộng toàn khóa = 100 tín chỉ				

VIII/ Dự kiến kế hoạch giảng dạy:

<i>Số TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Học phần: Học trước (a) Tiên quyết (b) Song hành (c)</i>
Học kỳ I: 16 tín chỉ (không tính GDTC1&GDQPAN)				
1	21300001	Anh văn ToEIC 1	4(4,0,8)	
2	19300004	Toán cao cấp B1	2(2,0,4)	
3	01308002	Tin học đại cương	3(2,1,5)	
4	03300031	Kinh tế vi mô	3(3,0,6)	
5	19300001	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
6	18300001	Những nguyên lý CB của CN MacLenin 1	2(2,0,4)	
7	22309001	Giáo dục thể chất 1	45 tiết	
8	22309003	Giáo dục quốc phòng - An ninh	165 tiết	
Học kỳ II: 18 tín chỉ (không tính GDTC2)				
1	21300002	Anh văn ToEIC 2	4(4,0,8)	21300001(a)
2	19300005	Toán cao cấp B2	2(2,0,4)	19300004(a)
3	19300006	Xác suất thống kê	3(3,0,6)	19300004(a)
4	04300006	Tài chính tiền tệ	3(3,0,6)	
5	18300002	Những nguyên lý CB của CN MacLenin 2	3(3,0,6)	18300001(a)
6	22309002	Giáo dục thể chất 2	45 tiết	22309001(a)

<i>Số TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Học phần: Học trước (a) Tiền quyết (b) Song hành (c)</i>
Chọn 01 học phần				
1	04300003	Kinh tế vĩ mô	3(3,0,6)	
2	04300004	Kinh tế phát triển	3(3,0,6)	
3	03300032	Quản trị học	3(3,0,6)	
Học kỳ III: 18 tín chỉ				
1	21300003	Anh văn Toeic 3	4(4,0,8)	21300001(a) 21300002(a)
2	04300008	Tài chính doanh nghiệp	3(3,0,6)	
3	05300002	Nguyên lý kế toán	3(3,0,6)	
4	04300002	Pháp luật kinh tế	3(3,0,6)	
5	18300003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	18300001(a) 18300002(a)
Chọn 01 học phần				
1	03300003	Marketing căn bản	3(3,0,6)	
2	05300001	Kinh tế lượng	3(3,0,6)	
Học kỳ IV: 19 tín chỉ				
1	03300004	Nguyên lý thống kê	3(3,0,6)	
2	05300010	Kế toán quản trị	3(3,0,6)	
3	05300004	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3(3,0,6)	04300008(a)
4	05300008	Kế toán tài chính 1	4(4,0,8)	05300002(a)
5	18300004	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3(3,0,6)	18300001(a) 18300002(a) 18300003(a)
Chọn 01 học phần				
1	05301006	Tài chính mô phỏng Excel	3(3,0,6)	
2	04300007	Toán tài chính	3(3,0,6)	
3	05300007	Thống kê kinh tế	3(3,0,6)	
Học kỳ V: 19 tín chỉ				
1	05300009	Kế toán tài chính 2	4(4,0,8)	05300008(a)
2	05300003	Hệ thống thông tin kế toán	3(3,0,6)	
3	05300011	Kế toán chi phí	3(3,0,6)	
4	05300012	Kế toán đối chiếu	3(3,0,6)	
5	05300005	Kiểm toán đại cương	3(3,0,6)	05300002(a)
Chọn 01 học phần				
1	04300016	Kế toán ngân hàng	3(3,0,6)	04300006(a)
2	05301013	Phần mềm kế toán ảo	3(3,0,6)	
3	04300013	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3(3,0,6)	04300006(a)
Học kỳ VI: 10 tín chỉ				
1	04306069	Thực tập tốt nghiệp	5	
2	04307070	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	5	
3	Các học phần thay thế ĐA/KL		5	

<i>Số TT</i>	<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Học phần: Học trước (a) Tiền quyết (b) Song hành (c)</i>
	05300015	Thuế & kế toán thuế	3(3,0,6)	05300002(a)
	05300014	Kế toán hành chính sự nghiệp	2(2,0,4)	
Tổng 06 học kỳ = 100 tín chỉ				

IX/ Mô tả vắn tắt các học phần:

- 1/ Những nguyên lý CB của CN MacLenin 1** Số tín chỉ: 2; Mã học phần: **18300001**
 Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- 2/ Những nguyên lý CB của CN MacLenin 2** Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **18300002**
 Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- 3/ Tư tưởng Hồ Chí Minh** Số tín chỉ: 2; Mã học phần: **18300003**
 Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ giáo dục & Đào tạo.
- 4/ Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam** Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **18300004**
 Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- 5/ Pháp luật đại cương** Số tín chỉ: 2; Mã học phần: **19300001**
 Trình bày những vấn đề cơ bản của nhà nước và pháp luật trong đó chủ yếu là pháp luật; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, giới thiệu chung về hệ thống pháp luật Việt Nam.
- 6/ Anh văn ToEIC 1** Số tín chỉ: 4; Mã học phần: **21300001**
 Củng cố kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn và từ vựng liên quan đến chủ đề như các món ăn, thể thao, âm nhạc được yêu thích để từ đó giúp người học có thể nói đúng về những chủ đề quen thuộc đó.
- 7/ Anh văn ToEIC 2** Số tín chỉ: 4; Mã học phần: **21300002**
 Củng cố kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, quá khứ tiếp diễn, cách dùng tính từ có hình thức -ing/ -ed, câu điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại ... và từ vựng liên quan đến chủ đề như các hoạt động thể dục thể thao, những điều mỗi người đã trải qua hoặc chứng kiến ... từ đó giúp người học có thể nói đúng và tốt hơn về những chủ đề đó.
- 8/ Anh văn ToEIC 3** Số tín chỉ: 4; Mã học phần: **21300003**
 Củng cố lại tất cả kiến thức cơ bản về ngữ pháp như: Các thì trong tiếng Anh, so sánh, gerunds và infinitives, nouns and pronouns, modifiers ... Cung cấp kỹ năng làm bài thi ToEIC với 2 kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu đồng thời giúp người học làm quen với áp lực đề thi ToEIC hoàn chỉnh thông qua những bài thi ToEIC mẫu.

9/ Toán cao cấp B1Số tín chỉ: 2; Mã học phần: **19300004**

Cung cấp một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học, giúp người học có nền tảng về toán; Đồng thời rèn luyện khả năng tư duy logic có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của các môn học khác trong chương trình đào tạo cao đẳng khối ngành kinh tế; Cụ thể là các kiến thức về giới hạn, liên tục, phép tính vi tích phân hàm một biến, vi phân hàm 2 biến số.

10/ Toán cao cấp B2Số tín chỉ: 2; Mã học phần: **19300005**

Cung cấp một số kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính, giúp người học có nền tảng về toán; Đồng thời rèn luyện khả năng tư duy logic có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của các môn học khác trong chương trình đào tạo cao đẳng khối ngành kinh tế; Cụ thể là các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và các bài toán ứng dụng vào lĩnh vực kinh tế của toán cao cấp.

11/ Xác suất thống kêSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **19300006**

Cung cấp một số kiến thức về xác suất thống kê; Cụ thể là các khái niệm cơ bản về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các phân phối xác suất thường gặp và các đặc trưng của nó; Các kiến thức về lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê; Đây là hai bài toán thông dụng trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

12/ Tin học đại cươngSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **01308002**

Giới thiệu những thao tác cơ bản nhất về máy tính; Các kiến thức, khái niệm, vấn đề của học phần này có tính nhập môn; Qua học phần, người học có được hình dung ban đầu về máy tính, công cụ, tổ chức bên trong cũng như hoạt động của máy tính, các lĩnh vực và học phần có liên quan sau này; Hiểu được những kiến thức cơ bản về máy tính, về công nghệ thông tin (cấu trúc máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính, bảo mật, bảo trì và xử lý sự cố cho máy tính cá nhân, máy in, máy quét, máy tính xách tay, các thiết bị cảm tay); Thông thạo việc tháo lắp máy và cài đặt phần mềm tính cá nhân, cài đặt được các phần mềm; Nắm được và làm chủ được các hệ điều hành MS-DOS, Windows, Novell Netware hoặc Windows NT; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Excel, PowerPoint, Internet.

13/ Giáo dục thể chất 1Số tín chỉ: 1(45tiết); Mã học phần: **22309001**

Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

14/ Giáo dục thể chất 2Số tín chỉ: 1(45tiết); Mã học phần: **22309002**

Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

15/ Giáo dục quốc phòng - An ninhSố tín chỉ: 8(165tiết); Mã học phần: **22309003**

Nội dung kiến thức qui định tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/5/2000 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

16/ Kinh tế vi môSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **03300031**

Trang bị những kiến thức cơ bản giúp người học hiểu và biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế; Mặt khác, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản làm nền tảng để nghiên cứu nhiều học phần khác như: Kinh tế học công cộng, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế, Kinh tế các ngành.

17/ Tài chính tiền tệSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **04300006**

Trình bày những kiến thức cơ bản như: Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính, lý luận cơ bản về tiền tệ; Khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: Tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, tín dụng và lãi suất hoạt động thị trường tài chính.

18/ Pháp luật kinh tếSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **04300002**

Cung cấp kiến thức và hiểu biết cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh, quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh, quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

19/ Quản trị học

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **03300032**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: Bản chất, đối tượng nghiên cứu, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học; Học phần đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: Quản trị sự thay đổi của một tổ chức, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.

20/ Marketing căn bản

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **03300003**

Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về các nguyên lý marketing; Sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, môi trường marketing và thị trường các doanh nghiệp, nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường gồm: Các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.

21/ Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **04300003**

Giới thiệu những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế; Trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của một nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của 1 nền kinh tế mở bao gồm tỉ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kỳ.

22/ Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **04300004**

Cung cấp các kiến thức có liên quan đến kinh tế vĩ mô nhằm phân tích và giải thích quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế giúp chúng ta hiểu được những vấn đề tăng trưởng và phát triển đang diễn ra ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển; Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các nguồn lực quan trọng đóng góp vào tăng trưởng và phát triển cho một đất nước.

23/ Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300001**

Cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội, nhằm giúp người học có thể thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh.

24/ Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **03300004**

Trình bày đối tượng, quá trình nghiên cứu thống kê; Phân tích phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp xác định mức độ hiện tượng với số tương đối, số tuyệt đối, số bình quân, một và trung vi, độ biến thiên của tiêu thức; Mô tả phương pháp dãy số theo thời gian, phương pháp chỉ số với chỉ số cá thể, chỉ số chung và chỉ số tổng hợp.

25/ Nguyên lý kế toán

Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300002**

Giới thiệu những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

26/ Tài chính doanh nghiệpSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **04300008**

Cung cấp những vấn đề cơ bản về bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý vốn kinh doanh, quản lý chi phí - doanh thu - lợi nhuận, quyết định đầu tư dài hạn, lập kế hoạch tài chính và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

27/ Hệ thống thông tin kế toánSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300003**

Cung cấp những kiến thức để tổ chức việc đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã được tin học hóa.

28/ Phân tích tài chính doanh nghiệpSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300004**

Trang bị những kiến thức cơ bản về đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, tình hình tổ chức huy động vốn, việc quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp thông qua các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

29/ Kiểm toán đại cươngSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300005**

Giúp người học hiểu các khái niệm cơ bản về kiểm toán, nhằm trang bị kiến thức nền tảng để sau này nghiên cứu về kiểm toán doanh nghiệp.

30/ Tài chính mô phỏng (Excel)Số tín chỉ: 3; Mã học phần: **05301006**

Sử dụng các kỹ thuật tính toán trên Excel để phân tích tình hình tài chính dưới dạng một mô hình toán, trên cơ sở đó xây dựng một bức tranh tương lai về tình trạng tài chính, vận hành và hiệu quả tài chính.

31/ Toán tài chínhSố tín chỉ: 2; Mã học phần: **04300007**

Cung cấp cho người học lý thuyết tiền lãi, cách tính lãi đơn, lãi kép và lãi hỗn hợp, lãi suất ngẫu nhiên, chiết khấu dòng tiền làm cơ sở để nghiên cứu thị trường tài chính phát sinh ở bậc học cao hơn.

32/ Thống kê kinh tếSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300007**

Cung cấp cho người học kiến thức thống kê tổng quát và rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

33/ Kế toán tài chính 1Số tín chỉ: 4; Mã học phần: **05300008**

Trình bày các nguyên tắc và quy trình kế toán, các nghiệp vụ kế toán chủ yếu tại doanh nghiệp.

34/ Kế toán tài chính 2Số tín chỉ: 4; Mã học phần: **05300009**

Trình bày đặc điểm kế toán các ngành thương mại, dịch vụ, xây lắp và hợp nhất báo cáo tài chính tập đoàn kinh tế.

35/ Kế toán quản trịSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300010**

Đề cập vấn đề chi phí và phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận nhằm kiểm soát được các chi phí, lập dự toán ngân sách, hoạch định giá bán và nhận diện các thông tin thích hợp trong việc ra quyết định đúng đắn trong quản lý doanh nghiệp.

36/ Kế toán chi phíSố tín chỉ: 3; Mã học phần: **05300011**

Cung cấp những thông tin cơ bản về bản chất, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và các phương pháp của kế toán chi phí sản xuất; Hình thức chuyển hóa chi phí trong một doanh nghiệp; Các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành sản phẩm; Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp tính giá, lựa chọn mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành, chọn phương pháp phân tích chi phí thích hợp.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**PGS.TS NGUYỄN TÁC ANH/** Đã ký**TRƯỞNG KHOA****PGS.TS HÀ QUANG ĐÀO/** Đã ký